

Quy y Tam bảo và ý nghĩa kiến tạo và phát triển nhân cách trẻ em

ISSN: 2734-9195 11:00 25/07/2026

Khi được thực hiện trên những nền tảng ấy, quy y Tam bảo không phải là sự áp đặt một niềm tin có sẵn lên trẻ, mà là mở ra cho trẻ cơ hội tiếp xúc với một con đường sống thiện lành.

Tóm tắt

Quy y Tam bảo là sự xác lập phương hướng đời sống tâm linh của người Phật tử, lấy Phật làm bậc thầy giác ngộ, lấy Pháp làm con đường tu học và lấy Tăng làm đoàn thể hướng dẫn, nâng đỡ sự thực hành. Đối với trẻ em, việc quy y từ sớm không nên chỉ được nhìn nhận như một nghi thức xác nhận danh nghĩa Phật tử, mà cần được xem là điểm khởi đầu của một tiến trình giáo dục lâu dài. Khi được hướng dẫn phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, trẻ có cơ hội tiếp xúc với các giá trị như lòng từ bi, sự trung thực, ý thức trách nhiệm, khả năng phản tỉnh, lòng biết ơn và tinh thần sống hòa hợp.



(Ảnh: Internet)

Tuy nhiên, nghi lễ quy y không tự động tạo nên nhân cách tốt. Những giá trị của quy y chỉ có thể được hiện thực hóa thông qua thân giáo của cha mẹ, phương pháp giáo dục không áp đặt, môi trường tự viện an toàn và quá trình học tập, thực hành Phật pháp thường xuyên.

Bài viết phân tích cơ sở kinh điển, giá trị giáo dục và những điều kiện cần thiết để việc quy y Tam bảo từ sớm có thể góp phần tích cực vào quá trình hình thành nhân cách trẻ em.

Từ khóa: Quy y Tam bảo, trẻ em, nhân cách, giáo dục Phật giáo, đạo đức Phật giáo, gia đình Phật tử.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục trẻ em không chỉ là quá trình truyền đạt kiến thức mà còn là quá trình hình thành những phẩm chất tương đối ổn định trong nhận thức, tình cảm, ý chí và hành vi. Gia đình, nhà trường, cộng đồng và môi trường văn hóa - tôn giáo đều có khả năng tác động đến quá trình ấy.

Gia đình thường là môi trường đầu tiên giúp trẻ nhận biết điều thiện, điều bất thiện, cách ứng xử với người khác và trách nhiệm đối với những hành động của mình.

Đối với các gia đình Phật tử, việc đưa trẻ đến chùa, lễ Phật, nghe pháp, tham gia các hoạt động thiện nguyện và làm lễ quy y Tam bảo thường được xem là những phương thức gieo duyên với Phật pháp. Tuy nhiên, trong thực tế, việc quy y cho trẻ đôi khi mới chỉ dừng lại ở sự tham dự một buổi lễ, nhận pháp danh hoặc ghi nhận trẻ là một Phật tử. Sau nghi lễ, trẻ chưa được tiếp tục hướng dẫn học và thực hành những nội dung phù hợp với lứa tuổi.

Trong một số trường hợp khác, người lớn sử dụng niềm tin tôn giáo, quan niệm nhân quả hoặc những hình ảnh về sự trừng phạt để buộc trẻ phải vâng lời. Những cách làm đó có thể khiến ý nghĩa giáo dục của quy y bị hình thức hóa hoặc bị hiểu sai.

Vấn đề đặt ra:

Quy y Tam bảo từ sớm có ý nghĩa như thế nào đối với việc hình thành nhân cách trẻ em?

Những giá trị nào của Phật giáo có thể được chuyển hóa thành nội dung giáo dục cụ thể?

Gia đình và tự viện phải thực hiện những trách nhiệm gì để quy y không chỉ là một nghi thức mà trở thành điểm khởi đầu của đời sống đạo đức và tâm linh lành mạnh?

Bằng phương pháp phân tích kinh điển, tổng hợp tư liệu và tiếp cận từ góc độ giáo dục Phật giáo, bài viết làm rõ ba nội dung: ý nghĩa của quy y Tam bảo đối với trẻ em, khả năng đóng góp của việc quy y vào quá trình hình thành nhân cách và những điều kiện cần thiết để việc hướng dẫn trẻ học Phật đạt được hiệu quả tích cực.

Trong phạm vi bài viết, “nhân cách” được hiểu là hệ thống những phẩm chất được biểu hiện tương đối ổn định qua nhận thức, thái độ, tình cảm và cách ứng xử của một con người. Vì vậy, khi đề cập đến ý nghĩa của quy y đối với nhân cách trẻ em, bài viết không khẳng định rằng một nghi lễ tôn giáo có thể trực tiếp hoặc tự động tạo ra nhân cách tốt.

Quy y chỉ có thể trở thành một nhân duyên giáo dục khi được tiếp nối bằng quá trình học tập, thực hành và nêu gương trong đời sống hằng ngày.

2. Quy y Tam bảo và ý nghĩa của việc quy y từ sớm

2.1. Quy y là xác lập phương hướng sống

“Quy” có nghĩa là quay về, trở về; “y” là nương tựa. Quy y Tam bảo là quay về nương tựa Phật, Pháp và Tăng. Nội dung Tam quy được ghi nhận trong *Tiểu tụng* thuộc *Tiểu bộ kinh*, với sự phát nguyện nương tựa Phật, nương tựa Pháp và nương tựa Tăng. [1]

Trong ý nghĩa căn bản, quy y Phật là hướng đến lý tưởng giác ngộ và lấy đức Phật làm bậc thầy chỉ đường. Quy y Pháp là học hỏi và thực hành những lời dạy có khả năng giúp con người nhận diện khổ đau, chuyển hóa bất thiện và phát triển đời sống thiện lành. Quy y Tăng là nương tựa đoàn thể tu hành hòa hợp, thanh tịnh, có khả năng bảo tồn giáo pháp và hướng dẫn người học Phật.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Như vậy, quy y không chỉ là tìm kiếm một sự che chở từ bên ngoài. Quy y còn bao hàm sự lựa chọn có tính định hướng: lựa chọn trí tuệ thay cho mê lầm, lựa chọn từ bi thay cho tổn hại, lựa chọn đời sống có nguyên tắc thay cho sự buông thả và lựa chọn cộng đồng thiện lành để hỗ trợ sự tu dưỡng.

Đối với người trưởng thành, sự quy y thường gắn với nhận thức và sự tự nguyện tương đối đầy đủ. Trẻ em, đặc biệt là trẻ nhỏ, chưa thể hiểu toàn bộ nội dung giáo lý và ý nghĩa tôn giáo của lời phát nguyện. Vì vậy, quy y từ sớm không nên được giải thích như một quyết định tín ngưỡng đã hoàn tất và bất biến. Đây trước hết là việc cha mẹ tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc với Tam bảo, gieo những nhân duyên thiện lành và mở đầu một tiến trình giáo dục.

2.2. “Từ sớm” không đồng nghĩa với áp đặt sớm

“Từ sớm” trong giáo dục Phật giáo không nên chỉ được hiểu là thực hiện nghi lễ khi trẻ còn rất nhỏ. Điều quan trọng hơn là trẻ được tiếp xúc sớm với những cách sống thiện lành: biết yêu thương, không cố ý gây tổn hại, biết nói thật, biết chia sẻ, nhận lỗi, sửa lỗi và tôn trọng người khác.

Khi trẻ chưa đủ khả năng hiểu ý nghĩa lời phát nguyện, cha mẹ có thể thay trẻ tạo duyên với Tam bảo. Khi trẻ đã có khả năng nhận biết và biểu đạt ý muốn, người lớn cần giải thích bằng ngôn ngữ phù hợp, cho trẻ biết buổi lễ diễn ra như thế nào và lắng nghe những câu hỏi của trẻ. Sự hướng dẫn này cần đặt trên nền tảng tình thương, kiên nhẫn và tôn trọng, thay vì buộc trẻ phải biểu hiện niềm tin giống người lớn.

Quy y từ sớm vì thế nên được hiểu là “gieo duyên và nuôi dưỡng”, không phải “ấn định và chi phối”. Mục tiêu không phải tạo ra một đứa trẻ chỉ biết vâng lời về hình thức, mà là giúp trẻ dần hình thành năng lực nhận biết điều thiện, tự nguyện thực hiện điều thiện và hiểu được trách nhiệm đối với hành vi của mình.

3. Cơ sở kinh điển cho việc giáo dục đạo đức trẻ em

3.1. Tránh điều ác, thực hành điều thiện và thanh lọc tâm

Kệ 183 của *Kinh Pháp cú* khái quát giáo pháp của chư Phật trên ba phương diện: không làm các điều ác, thành tựu các việc lành và giữ tâm ý trong sạch. [2] Ba phương diện này có thể được xem là một định hướng cơ bản cho giáo dục nhân cách.

Đối với trẻ em, “không làm điều ác” cần được giải thích bằng những hành vi cụ thể như không đánh bạn, không bắt nạt người yếu hơn, không lấy đồ vật khi chưa được cho phép và không cố tình phá hoại môi trường sống. “Làm các việc lành” có thể được biểu hiện qua sự chia sẻ, giúp đỡ cha mẹ, quan tâm đến ông bà, bảo vệ động vật và tham gia những công việc phù hợp với khả năng của mình. “Giữ tâm ý trong sạch” có thể bắt đầu bằng việc giúp trẻ nhận biết khi mình đang tức giận, ganh tỵ, tham lam hoặc muốn làm tổn thương người khác.

Tinh thần của bài kệ cho thấy giáo dục Phật giáo không dừng lại ở việc điều chỉnh hành vi bên ngoài. Mục tiêu sâu hơn là giúp con người nhận biết động cơ, chuyển hóa tâm bất thiện và chủ động lựa chọn cách hành xử có lợi cho mình và người khác.

3.2. Giáo giới Rāhula: trung thực và thường xuyên phản tỉnh

Kinh Giáo giới Rāhula ở Ambalaṭṭhika, bài kinh số 61 thuộc *Trung bộ kinh*, là một văn bản có ý nghĩa đặc biệt đối với giáo dục người trẻ. Trong bài kinh, đức Phật sử dụng những hình ảnh cụ thể như chậu nước và chiếc gương để hướng dẫn Rāhula về sự nguy hiểm của nói dối và sự cần thiết phải phản tỉnh đối với hành động của thân, lời nói và ý nghĩ.[3]

Hình ảnh chiếc gương cho thấy một phương pháp giáo dục sâu sắc. Con người dùng gương để nhìn lại khuôn mặt; tương tự, người tu học cần nhìn lại hành động của mình. Trước khi hành động, cần xem xét hành động ấy có thể gây tổn hại cho mình, cho người khác hoặc cho cả hai hay không. Trong khi hành động, tiếp tục quan sát tác động của việc mình đang làm. Sau khi hành động, cần đánh giá kết quả, nhận lỗi nếu đã làm điều bất thiện và tiếp tục phát triển nếu đó là việc thiện.

Phương pháp này có ý nghĩa đối với quá trình hình thành nhân cách trẻ em vì không đặt trọng tâm duy nhất vào sự thưởng phạt từ bên ngoài. Trẻ được hướng dẫn phát triển khả năng tự quan sát và tự chịu trách nhiệm. Thay vì chỉ hỏi “Con có bị phạt không?”, trẻ dần học cách hỏi: “Việc con làm có khiến ai bị tổn thương không?”, “Con có nói đúng sự thật không?” và “Con cần làm gì để sửa chữa?”.

Đức Phật cũng đặc biệt nhấn mạnh sự trung thực. Trung thực không chỉ là một quy tắc giao tiếp mà còn là nền tảng của niềm tin trong các mối quan hệ. Một đứa trẻ biết thừa nhận lỗi lầm, nói đúng sự thật và không che giấu hành vi sai trái sẽ có điều kiện phát triển ý thức trách nhiệm. Tuy nhiên, trẻ chỉ dám nói thật khi người lớn không sử dụng sự thành thật của trẻ để sỉ nhục, đe dọa hoặc trừng phạt quá mức. Do đó, bài học trung thực luôn phải đi cùng với thái độ lắng nghe và bao dung của cha mẹ.

3.3. Trách nhiệm giáo dục của cha mẹ trong Kinh Thiện Sinh

Trong *Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt*, còn được biết đến với tên gọi *Kinh Thiện Sinh*, bài kinh số 31 thuộc *Trường bộ kinh*, đức Phật trình bày những trách nhiệm tương hỗ trong các mối quan hệ xã hội. Đối với con cái, cha mẹ có trách nhiệm ngăn con làm điều xấu, khuyến khích con làm điều tốt, giúp con được giáo dục và chuẩn bị những điều kiện cần thiết để trưởng thành.[4]

Lời dạy này cho thấy giáo dục đạo đức là trách nhiệm chủ động của cha mẹ. Cha mẹ không thể chỉ yêu cầu con trở thành người tốt mà bản thân không tạo ra môi trường giúp điều tốt được hình thành. Ngăn trẻ làm điều xấu không đồng nghĩa với kiểm soát trẻ bằng sự sợ hãi. Đó là việc đặt ra giới hạn rõ ràng, giải thích hậu quả của hành vi và bảo vệ trẻ trước những tác động có hại. Khuyến khích làm điều tốt không chỉ là khen thưởng mà còn là tạo cơ hội để trẻ thực hành sự tử tế và nhận biết niềm vui từ việc mang lại lợi ích cho người khác.

Từ tinh thần của bài kinh, việc đưa trẻ quy y Tam bảo có thể được xem là một phương thức để cha mẹ thực hiện trách nhiệm định hướng con đến đời sống thiện lành. Tuy nhiên, không nên khẳng định rằng kinh điển trực tiếp quy định cha mẹ phải tổ chức lễ quy y cho trẻ. Điều được nhấn mạnh trong kinh là trách nhiệm giáo dục và hướng thiện; quy y là một cách thức vận dụng trách nhiệm ấy trong đời sống của gia đình Phật tử.

4. Ý nghĩa của quy y từ sớm đối với quá trình hình thành nhân cách

4.1. Tạo lập một định hướng đạo đức ban đầu

Trẻ em học về đạo đức không chỉ thông qua những khái niệm trừu tượng mà chủ yếu qua trải nghiệm, quan sát và sự lặp lại của hành vi. Khi quy y được giải thích đúng, Tam bảo có thể trở thành hệ quy chiếu ban đầu để trẻ định hướng cách sống.



Hình ảnh đức Phật giúp trẻ tiếp xúc với lý tưởng của sự tỉnh thức, lòng từ bi và khả năng chuyển hóa. Giáo pháp giúp trẻ hiểu rằng mỗi hành động đều có nguyên nhân, điều kiện và hậu quả. Tăng đoàn và môi trường tự viện giúp trẻ được tiếp xúc với những người cùng hướng đến đời sống thiện lành.

Sự định hướng này không thay thế giáo dục gia đình và nhà trường, nhưng có thể bổ sung cho trẻ một chiều kích đạo đức tâm linh. Trẻ không chỉ tránh một hành vi vì sợ bị phạt, mà từng bước hiểu rằng việc gây tổn hại cho người khác cũng làm suy giảm phẩm chất và sự bình an trong chính mình.

4.2. Nuôi dưỡng lòng từ bi và thái độ tôn trọng sự sống

Từ bi là một giá trị trung tâm của Phật giáo. Đối với trẻ em, lòng từ bi cần được chuyển thành những biểu hiện đơn giản, có thể quan sát và thực hành: không chế giễu bạn, không bắt nạt người yếu hơn, biết chăm sóc vật nuôi, không hành hạ côn trùng vì thú vui, biết hỏi thăm người đang đau ốm và biết chia sẻ với người gặp khó khăn.

Khi trẻ quy y và được hướng dẫn về giới không sát sinh theo cách phù hợp, trẻ có thể dần hình thành thái độ tôn trọng sự sống. Giáo dục không sát sinh không nên chỉ là sự cấm đoán. Người lớn cần giúp trẻ hiểu cảm giác đau đớn, sợ hãi và mong muốn được sống của các loài hữu tình. Từ sự hiểu biết ấy, trẻ phát triển khả năng đặt mình vào hoàn cảnh của người khác.

Lòng từ bi cũng không đồng nghĩa với nuông chiều hoặc chấp nhận mọi hành vi. Trẻ cần được dạy rằng thương yêu một người đôi khi bao gồm việc ngăn người ấy gây hại, nói rõ điều sai và cùng tìm cách sửa chữa. Từ bi trong giáo dục phải đi cùng trí tuệ, nguyên tắc và trách nhiệm.

4.3. Hình thành tính trung thực và ý thức trách nhiệm

Việc tiếp xúc sớm với giáo lý về lời nói chân thật có thể giúp trẻ nhận thức rằng lời nói không chỉ truyền tải thông tin mà còn tạo ra hoặc phá vỡ niềm tin. Nói dối có thể giúp trẻ tạm thời tránh trách nhiệm, nhưng làm tổn thương mối quan hệ với cha mẹ, thầy cô và bạn bè.

Tuy nhiên, giáo dục trung thực không đạt được hiệu quả nếu người lớn thường xuyên nói dối trước mặt trẻ, hứa nhưng không thực hiện hoặc yêu cầu trẻ che giấu sự thật để bảo vệ lợi ích của gia đình. Trẻ học từ hành vi của người lớn nhiều hơn từ những lời thuyết giảng.

Tinh thần phản tỉnh trong *Kinh Giáo giới Rāhula* giúp mở rộng giáo dục từ “nói thật” đến “chịu trách nhiệm”. Khi làm sai, trẻ cần được hướng dẫn nhận lỗi, xin lỗi, khắc phục hậu quả và rút kinh nghiệm. Trách nhiệm không phải là mặc cảm rằng bản thân là người xấu. Trách nhiệm là khả năng nhận ra một hành vi chưa đúng và chủ động sửa đổi.

4.4. Phát triển khả năng nhận diện và điều chỉnh cảm xúc

Một trong những nội dung có thể được hướng dẫn sau quy y là thực tập chú tâm trong đời sống hằng ngày. Với trẻ nhỏ, thực tập không cần bắt đầu bằng những thời khóa dài hoặc các thuật ngữ phức tạp. Trẻ có thể được hướng dẫn nhận biết hơi thở trong một vài phút, gọi tên cảm xúc và tạm dừng trước khi phản ứng.

Khi tức giận, trẻ có thể học cách nhận biết: “Con đang giận”, thay vì lập tức đánh bạn hoặc ném đồ vật. Khi ganh tỵ, trẻ có thể được giúp nhận ra cảm giác khó chịu và nói về nhu cầu của mình. Khi buồn, trẻ được khuyến khích tìm đến người lớn đáng tin cậy thay vì che giấu hoặc tự cô lập.

Những thực tập này không nhằm buộc trẻ phải luôn yên lặng hoặc triệt tiêu mọi cảm xúc. Cảm xúc là một phần tự nhiên của đời sống. Giáo dục Phật giáo cần giúp trẻ không bị cảm xúc dẫn dắt đến hành vi gây hại, đồng thời biết quan sát và chuyển hóa cảm xúc bằng những phương pháp an toàn.

4.5. Bồi dưỡng lòng biết ơn và tinh thần gắn kết

Sinh hoạt Phật giáo thường nhấn mạnh đến ân cha mẹ, ân thầy tổ, ân quốc gia, xã hội và ân chúng sinh. Khi được giải thích phù hợp, tinh thần tri ân có thể giúp trẻ nhận biết rằng đời sống của mình được tạo thành bởi sự đóng góp của nhiều người.

Lòng biết ơn không nên được sử dụng để buộc trẻ phục tùng vô điều kiện hoặc khiến trẻ cảm thấy mắc nợ cha mẹ. Biết ơn chân chính cần đi cùng sự tự nguyện, hiểu biết và khả năng biểu đạt bằng hành động. Trẻ có thể thể hiện lòng biết ơn qua việc giữ gìn đồ dùng, giúp đỡ công việc gia đình, kính trọng thầy cô và không lãng phí những điều mình đang có.

Môi trường tự viện còn tạo cơ hội để trẻ giao tiếp với nhiều thế hệ, tham gia hoạt động tập thể và thực hành tinh thần hợp tác. Những trải nghiệm như cùng dọn dẹp, trồng cây, chuẩn bị bữa ăn, thăm hỏi người khó khăn hoặc quyên góp

sách vở có thể giúp trẻ hiểu rằng tu học không tách rời trách nhiệm đối với cộng đồng.

4.6. Tạo dựng một điểm tựa tinh thần lành mạnh

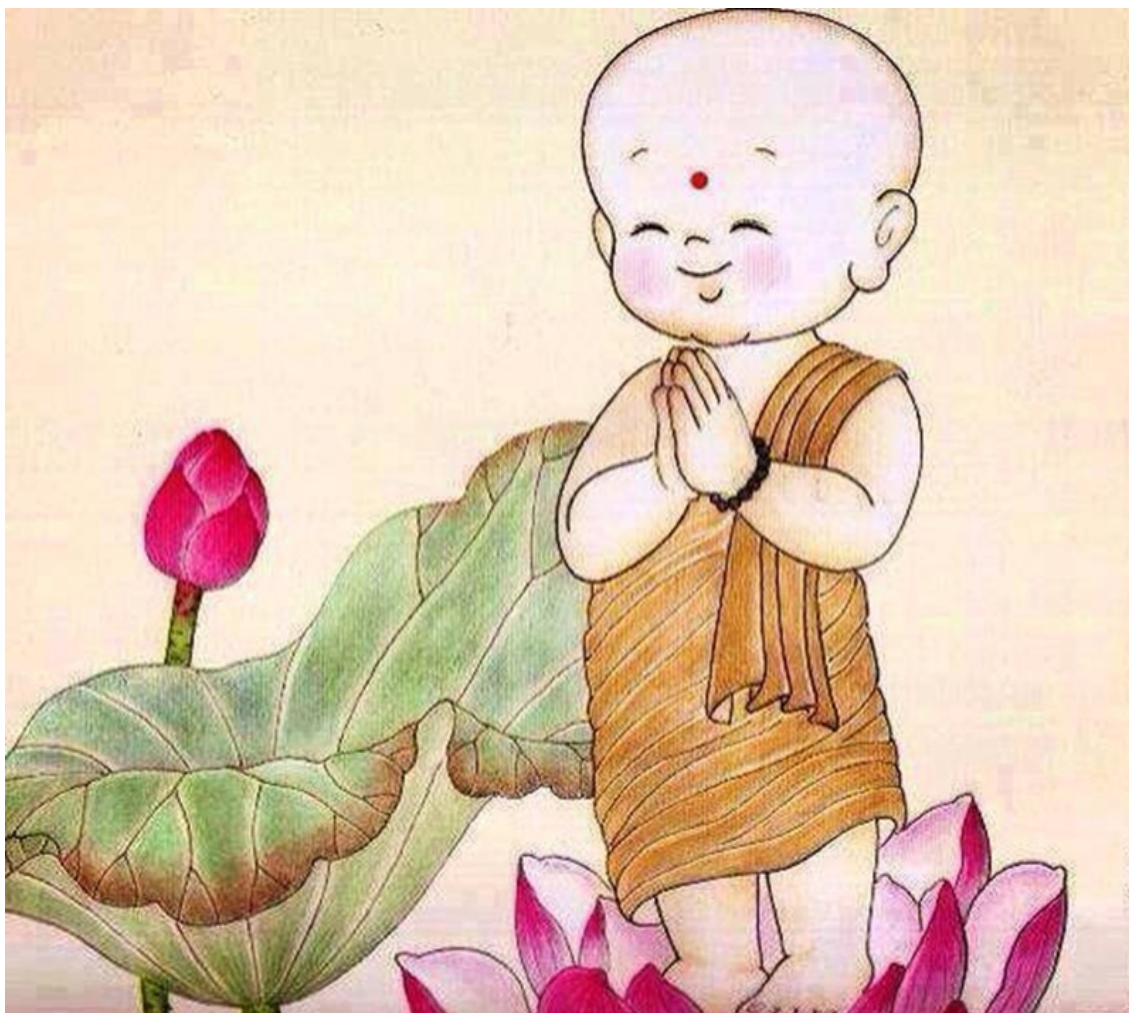
Trẻ em cũng phải đối diện với thất bại, xung đột, mất mát, sự so sánh và cảm giác không được thấu hiểu. Khi được tiếp cận Phật pháp đúng cách, trẻ có thể có thêm một điểm tựa tinh thần để đối diện với những trải nghiệm đó.

Điểm tựa ở đây không nên được hiểu như sự cầu xin Tam bảo loại bỏ mọi khó khăn. Nương tựa Tam bảo là học cách nhìn vấn đề bằng trí tuệ, tìm kiếm sự giúp đỡ từ những người đáng tin cậy và thực hành những phương pháp có khả năng làm giảm phản ứng bất thiện. Trẻ hiểu rằng khó khăn không khiến mình trở thành người kém giá trị và lỗi lầm không phải là dấu chấm hết. Con người có khả năng nhận biết, học hỏi và chuyển hóa.

5. Những điều kiện để quy y thực sự có giá trị giáo dục

5.1. Không đồng nhất quy y với việc hoàn thành nghi lễ

Nghi lễ có khả năng tạo ấn tượng trang nghiêm, đánh dấu một sự kiện quan trọng và kết nối cá nhân với cộng đồng. Tuy nhiên, nghi lễ chỉ là điểm khởi đầu. Việc trẻ mặc áo tràng, được đặt pháp danh hoặc tham dự lễ quy y chưa đủ để hình thành những phẩm chất đạo đức.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Nếu sau lễ quy y, trẻ không được giải thích về Tam bảo, không có cơ hội thực hành việc thiện và không nhận thấy sự thay đổi tích cực trong đời sống gia đình, ý nghĩa của nghi lễ sẽ dần phai nhạt. Vì thế, mỗi chương trình quy y cho trẻ cần gắn với một kế hoạch hướng dẫn sau quy y.

5.2. Lấy thân giáo của cha mẹ làm nền tảng

Cha mẹ là những người gần gũi và có ảnh hưởng thường xuyên nhất đối với trẻ. Một gia đình đưa con đến chùa nhưng thường xuyên cãi vã, nói dối, bạo lực hoặc xem thường người khác sẽ tạo ra mâu thuẫn giữa lời dạy và thực tế.

Muốn giáo dục trẻ không sát sinh, người lớn phải hạn chế những hành vi tàn nhẫn và thể hiện sự tôn trọng sự sống. Muốn trẻ nói thật, cha mẹ phải thành thật và giữ lời. Muốn trẻ biết kiểm soát sân giận, người lớn phải học cách xử lý bất đồng mà không xúc phạm hoặc bạo hành.

Thân giáo không đòi hỏi cha mẹ phải trở thành người hoàn hảo. Điều quan trọng là người lớn cũng biết nhận lỗi và sửa lỗi. Khi cha mẹ xin lỗi con vì đã nóng giận

hoặc xử lý thiếu công bằng, trẻ học được rằng nhận lỗi không làm con người mất đi uy tín; ngược lại, đó là biểu hiện của sự trung thực và trách nhiệm.

5.3. Hướng dẫn phù hợp với đặc điểm lứa tuổi

Giáo dục trẻ em cần vận dụng tinh thần khế lý và khế cơ. Nội dung đúng với giáo lý nhưng phương pháp không phù hợp với khả năng tiếp nhận của trẻ vẫn khó đem lại hiệu quả.

Với trẻ nhỏ, nên sử dụng truyện kể, tranh ảnh, trò chơi, âm nhạc, hoạt động thủ công và những tình huống gần gũi. Với trẻ ở độ tuổi lớn hơn, có thể tổ chức thảo luận về nói dối, bắt nạt học đường, sử dụng mạng xã hội, lòng biết ơn, bảo vệ môi trường và trách nhiệm đối với cộng đồng.

Các thời khóa thiền tập dành cho trẻ cần ngắn, linh hoạt và không biến sự ngồi yên thành hình phạt. Người hướng dẫn cũng không nên đánh giá một đứa trẻ là thiếu căn lành chỉ vì trẻ hiếu động, đặt nhiều câu hỏi hoặc chưa thể thực hiện nghi thức giống người lớn.

5.4. Tôn trọng quyền đặt câu hỏi và sự trưởng thành trong nhận thức

Một nền giáo dục lấy trí tuệ làm nền tảng không thể loại bỏ câu hỏi. Trẻ cần được quyền hỏi vì sao phải lễ Phật, vì sao giữ giới, nhân quả được hiểu như thế nào hoặc tại sao trong thực tế có người làm điều tốt nhưng vẫn gặp khó khăn.

Người lớn không nên xem những câu hỏi đó là biểu hiện bất kính. Khi chưa có câu trả lời đầy đủ, người hướng dẫn có thể thành thật thừa nhận giới hạn hiểu biết và cùng trẻ tìm hiểu. Cách ứng xử này giúp trẻ phát triển niềm tin có suy xét thay vì sự tin tưởng mù quáng.

Khi trẻ trưởng thành hơn, gia đình cần tiếp tục tôn trọng quá trình tự nhận thức của trẻ. Việc gieo duyên từ nhỏ không đồng nghĩa với quyền cưỡng ép trẻ phải biểu hiện niềm tin theo một khuôn mẫu cố định. Sự tôn trọng ấy không làm suy yếu giáo dục Phật giáo mà thể hiện đúng tinh thần từ bi, không chấp thủ và tôn trọng khả năng giác ngộ của mỗi cá nhân.

5.5. Không sử dụng nhân quả và hình ảnh tôn giáo để đe dọa

Một trong những sai lệch cần tránh là sử dụng nhân quả như một cơ chế trừng phạt tức thời: không nghe lời sẽ bị quả báo, bị Phật phạt hoặc gặp tai họa. Cách giải thích này làm đơn giản hóa giáo lý nghiệp và có thể tạo ra nỗi sợ hãi, mặc cảm hoặc thái độ quy kết đối với người đang chịu khổ đau.

Trẻ cần được giúp hiểu nhân quả trước hết qua mối liên hệ thực tế giữa hành vi và hậu quả. Nói lời xúc phạm làm người khác bị tổn thương; không giữ lời làm suy giảm niềm tin; chăm sóc cây giúp cây phát triển; biết chia sẻ giúp xây dựng quan hệ tốt đẹp. Việc giải thích phải tránh khiến trẻ cho rằng mọi bệnh tật, tai nạn hoặc hoàn cảnh khó khăn đều là sự trừng phạt dành cho một cá nhân.

Đức Phật không nên được mô tả như một quyền lực luôn theo dõi để trừng phạt trẻ. Hình ảnh Đức Phật cần gắn với trí tuệ, lòng từ bi và khả năng chỉ đường cho con người tự chuyển hóa.

6. Vai trò của gia đình và tự viện

6.1. Đối với gia đình

Gia đình cần xem lễ quy y là lời cam kết giáo dục của chính cha mẹ. Trước khi cho con quy y, cha mẹ nên tìm hiểu ý nghĩa Tam bảo, năm giới và phương pháp hướng dẫn trẻ. Sau lễ quy y, gia đình có thể duy trì những thực tập đơn giản:

- + Dành một khoảng thời gian ngắn để cả nhà ngồi yên hoặc theo dõi hơi thở.
- + Kể cho trẻ nghe những câu chuyện Phật giáo phù hợp với độ tuổi.
- + Cùng trẻ thực hiện một việc thiện mỗi tuần.
- + Khuyến khích trẻ nói thật và tạo không gian an toàn để trẻ nhận lỗi.
- + Hỏi trẻ về cảm xúc và cách hành động của mình sau một sự việc.
- + Đưa trẻ đến chùa với tần suất hợp lý, không làm ảnh hưởng tiêu cực đến việc học tập, nghỉ ngơi và vui chơi.
- + Thực hành tiết kiệm, bảo vệ môi trường và chia sẻ với người khó khăn.

Gia đình cũng cần tránh so sánh con với những trẻ khác trong chùa hoặc sử dụng danh nghĩa “con đã quy y” để tạo áp lực. Quy y không làm mất đi những đặc điểm tự nhiên của tuổi thơ. Trẻ vẫn cần vui chơi, khám phá, vận động, phạm lỗi và được hướng dẫn sửa lỗi.

6.2. Đối với tự viện

Tự viện có vai trò cung cấp môi trường tu học, người hướng dẫn và cộng đồng thiện lành. Để việc quy y cho trẻ có chiều sâu, các tự viện có thể xây dựng chương trình giáo dục sau quy y theo từng nhóm tuổi.

Nội dung chương trình không nên quá nặng về ghi nhớ thuật ngữ hoặc nghi lễ. Có thể tập trung vào những chủ đề thiết thực như yêu thương gia đình, nói lời hòa ái, không bắt nạt, chăm sóc động vật, biết xin lỗi, sử dụng thiết bị điện tử có trách nhiệm và nhận diện cảm xúc.

Người phụ trách trẻ em cần được trang bị kiến thức Phật học, kỹ năng sư phạm và các nguyên tắc bảo vệ trẻ. Môi trường sinh hoạt phải bảo đảm an toàn, minh bạch và tôn trọng thân thể, cảm xúc, đời tư của trẻ. Mọi hình thức làm nhục, đe dọa, bạo lực hoặc lợi dụng uy tín tôn giáo để buộc trẻ im lặng đều trái với mục tiêu giáo dục từ bi.

Tự viện cũng cần phối hợp với phụ huynh. Những điều trẻ học ở chùa phải được tiếp nối trong gia đình; đồng thời, các khó khăn của gia đình cần được trao đổi với người hướng dẫn để lựa chọn phương pháp thích hợp.

7. Một số kiến nghị

Thứ nhất, cần xây dựng tài liệu hướng dẫn quy y và tu học dành riêng cho trẻ em. Tài liệu nên chia theo nhóm tuổi, sử dụng ngôn ngữ trong sáng, hình ảnh gần gũi và tình huống thực tế.

Thứ hai, nghi lễ quy y cho trẻ nên có phần giải thích ngắn gọn về ý nghĩa Phật, Pháp, Tăng và những việc trẻ có thể thực hành sau buổi lễ. Không nên để trẻ đọc lời phát nguyện mà hoàn toàn không hiểu nội dung.

Thứ ba, cần tổ chức những chương trình đồng hành sau quy y, thay vì chỉ tập trung vào một buổi lễ. Mỗi tự viện có thể duy trì lớp học định kỳ, nhóm sinh hoạt thiếu nhi, hoạt động thiện nguyện và ngày tu dành cho gia đình.

Thứ tư, cần bồi dưỡng kỹ năng giáo dục và bảo vệ trẻ em cho tăng, ni, huynh trưởng và tình nguyện viên. Người có kiến thức Phật học chưa chắc đã có đầy đủ kỹ năng làm việc với trẻ; vì vậy, việc đào tạo chuyên môn là cần thiết.

Thứ năm, gia đình và tự viện cần thống nhất nguyên tắc không dùng sợ hãi để giáo dục. Nhân quả, giới luật và hình ảnh đức Phật phải được trình bày theo tinh thần giúp trẻ hiểu, tự nguyện và chuyển hóa, không phải để đe dọa hoặc kiểm

soát.

Thứ sáu, cần đánh giá hiệu quả giáo dục qua sự thay đổi trong hành vi và nhận thức, không chỉ qua khả năng thuộc kinh hoặc thực hiện nghi thức. Những biểu hiện như biết nhận lỗi, giảm bắt nạt, biết chia sẻ, tôn trọng sự sống và bình tĩnh hơn khi xảy ra xung đột có ý nghĩa thiết thực hơn việc trẻ chỉ ghi nhớ nhiều thuật ngữ.

8. Kết luận

Quy y Tam bảo từ sớm có thể tạo ra một nhân duyên quan trọng trong quá trình hình thành nhân cách trẻ em. Thông qua việc nương tựa Phật, Pháp và Tăng, trẻ có cơ hội tiếp xúc với lý tưởng giác ngộ, những nguyên tắc đạo đức và một cộng đồng hướng thiện. Những lời dạy về tránh điều ác, thực hành điều lành, trung thực, phản tỉnh, từ bi và trách nhiệm có thể trở thành nền tảng giúp trẻ điều chỉnh hành vi và xây dựng các mối quan hệ lành mạnh.

Tuy nhiên, không nên tuyệt đối hóa tác dụng của nghi lễ quy y. Quy y không tự động làm cho một đứa trẻ trở nên ngoan ngoãn, đạo đức hoặc có khả năng làm chủ cảm xúc. Giá trị của quy y phụ thuộc vào toàn bộ tiến trình giáo dục sau đó: cha mẹ có làm gương hay không; tự viện có xây dựng môi trường phù hợp hay không; giáo lý có được chuyển tải đúng với lứa tuổi hay không; và trẻ có được tôn trọng trong quá trình nhận thức hay không.

Do đó, ý nghĩa sâu xa của việc cho trẻ quy y từ sớm không nằm ở việc sớm xác lập một danh nghĩa tôn giáo, mà ở việc sớm gieo những hạt giống từ bi, trí tuệ, trung thực và trách nhiệm. Gieo hạt là bước khởi đầu; để hạt giống phát triển, gia đình và tự viện phải kiên trì chăm sóc bằng tình thương, thân giáo, sự hiểu biết và phương pháp giáo dục đúng đắn.

Khi được thực hiện trên những nền tảng ấy, quy y Tam bảo không phải là sự áp đặt một niềm tin có sẵn lên trẻ, mà là mở ra cho trẻ cơ hội tiếp xúc với một con đường sống thiện lành. Đó cũng chính là đóng góp thiết thực của giáo dục Phật giáo đối với gia đình và xã hội: giúp trẻ không chỉ trở thành người có tri thức, mà còn biết yêu thương, suy xét, chịu trách nhiệm và sống có lợi ích cho mình và cho người.

Tác giả: **Thích Giác Huệ (Võ Văn Nghĩa)**

Trường ĐHKHXH & NV, ĐHQGHN

Tài liệu tham khảo:

- 1] Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Tiểu Bộ*, phần *Tiểu tụng*, “Tam quy” - Saramattaya, Kp 1.
- 2] Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Pháp cú*, kệ số 183.
- 3] Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Trung Bộ*, “Kinh Giáo giới Rāhula ở Ambalaṭṭhika”, kinh số 61.
- 4] Thích Minh Châu (dịch), *Kinh Trường Bộ*, “Kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt” - Sīṅgālasutta, kinh số 31.
- 5] Tạp chí Nghiên cứu Phật học, “Phật giáo và giới trẻ”, đăng ngày 26 tháng 7 năm 2019.
- 6] Tạp chí Nghiên cứu Phật học, “Giáo dục thiếu nhi theo quan điểm Phật giáo”, đăng ngày 19 tháng 8 năm 2021.
- 7] Tạp chí Nghiên cứu Phật học, “Ứng dụng đạo đức Phật giáo trong việc dạy dỗ trẻ em”, đăng ngày 30 tháng 3 năm 2025.
- 8] SuttaCentral, kho văn bản Phật giáo thời kỳ đầu, các bản Kp 1, MN 61 và DN 31, bản dịch tiếng Việt của Hòa thượng Thích Minh Châu, truy cập ngày 17 tháng 7 năm 2026.